

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

Bản án số: 37/2026/DSST

Ngày: 10 – 02 – 2026.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀN ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đặng Thành Sơn**

2. Bà **Lê Thị Chói**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Thanh Mộng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Kim T**, sinh năm 1987 (Có mặt);
Bà **Huỳnh Thị Mỹ H**, sinh năm 1999

Địa chỉ liên lạc: đường A, Khu dân cư B, phường C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Đỗ Thị X**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PT A, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Do quen biết, ông **Lê Văn H** có tham gia 05 dây hụi do bà **Đỗ Thị X** làm chủ và bà **X** còn nợ ông **H** số tiền hụi cụ thể như sau: Dây hụi mở ngày 15/7/2019, bà **X** nợ ông **H** số tiền 23.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 20/01/2021, bà **X** nợ ông **H** 38.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 26/02/2021, bà **X** nợ ông **H** 37.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 06/4/2020, bà **X** nợ ông **H** 52.000.000 đồng. Hai bên có chốt lại bà **X** nợ ông **H** tổng cộng 181.500.000 đồng, có lập biên nhận. Đến ngày

30/12/2022, bà X có trả ông H 500.000 đồng, còn nợ lại 181.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay ông H yêu cầu bà Đỗ Thị X trả tiền gốc 181.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng là 55.585.000 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thị X trình bày:

Bà thừa nhận có làm chủ hội, ông Lê Văn H có tham gia hội và bà còn nợ ông H tổng số tiền 181.500.000 đồng, hai bên có chốt số tiền nợ và lập biên nhận. Đến ngày 30/12/2022, bà có trả cho ông H 500.000 đồng, còn nợ 181.000.000 đồng. Hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị ông H bỏ tiền lãi và cho bà trả dần.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên ý kiến.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hội và tiền lãi nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn thống nhất bà Đỗ Thị X còn nợ ông Lê Văn H tổng số tiền hội 181.000.000 đồng nên thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định bà Đỗ Thị X còn nợ ông Lê Văn H tiền hội 181.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Do bà Đỗ Thị X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Lê Văn H yêu cầu bà X trả tiền gốc 181.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0,83%/ tháng, tương đương 9,96%/ năm kể từ ngày 30/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 280 và Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Số tiền lãi do bà Đỗ Thị X chậm trả tiền cho ông Lê Văn H tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 10/02/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 181.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 37 tháng 10 ngày = 56.135.943 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ

yêu cầu số tiền lãi 55.585.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

Điều 280; Điều 357; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

2. Buộc bà Đỗ Thị X trả cho ông Lê Văn H tổng số tiền tính đến ngày 10/02/2026 là 236.585.000 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 181.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi một triệu đồng*), tiền lãi là 55.585.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị X phải chịu 11.829.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn H được nhận lại 5.801.955 đồng (*Năm triệu tám trăm lẻ một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0013053 ngày 24/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS.ND khu vực 14 – Cần Thơ.
- THA.DS.TP. Cần Thơ;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí